TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2024
Về việc Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân và ông Phạm Văn Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2024 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị K, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký thường trú: thôn L, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở: ngõ 3 L, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: số nhà 5 ngõ 18 phố B, khu 5, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị K, bị đơn anh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị K, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/4/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị K trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không hợp tính

nết, anh T thường xuyên nghi ngờ, không tin tưởng chị K. Theo anh T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị được ly hôn anh T. Anh T xác định dù anh muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị K kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn đã trầm trọng, anh không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân với chị K, anh T từ chối đến trụ sở Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử.

Về con chung: Chị K, anh T xác định không có con chung.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị K, anh T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử cho chị K ly hôn anh T. Chị K phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị K, anh T đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Chị K, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/4/2020, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do anh chị không còn sự tin tưởng, tôn trọng nhau và đã sống ly thân được một thời gian, không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh T. Anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh cũng không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ hôn nhân, anh T đồng ý ly hôn nếu chị K vẫn kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K đề nghị được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị K, anh T không có con chung. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, nợ, công sức: Chị K, anh T không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị K được ly hôn anh Đoàn Văn T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006057 ngày 24/7/2024. Chị K đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- UBND phường H, TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn